TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2020/DS-ST
Ngày: 20-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Ngô Hữu Quang

2/ Bà Lê Thị Kim Em

Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2020/TLST-DS ngày 04/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2020/QĐST- DS ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.
Địa chỉ: Lầu a, số v, đường N, Phường x, Quận y, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Minh P (nhân viên ngân hàng) (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường B, Tổ a, khu phố c, phường T, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T, tại phiên tòa và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 28/01/2019, ông T ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng JCB JS peedy Credit Gold 356481-6813 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 700.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng cho đến nay ông T vẫn chưa trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 23/6/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 10/02/2020, ông T còn nợ tổng số tiền 43.908.432 đồng, trong đó, nợ gốc: 34.004.534 đồng, lãi quá hạn: 9.903.898 đồng.

Nay yêu cầu ông T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2020 là 49.901.778 đồng. Trong đó: nợ gốc: 34.004.534 đồng, lãi quá hạn: 15.879.244 đồng. Ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/7/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông T đã được Tòa án niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ của hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2020 là 52.069.584 đồng, trong đó nợ gốc: 34.004.534 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.065.050 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 21/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền vay, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản". Do bị đơn ông T cư trú tại

Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét xử vắng mặt bị đơn:

Ông T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Mặt khác ông T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 35/31 Bế Văn Cấm, Tổ 3, khu phố 1, phường Tân Kiểng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, nhưng theo kết quả xác minh của Công an phường Bình Thuận, Quận 7 thì ông T không thực tế cư trú tại địa phương. Do đó căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, "…trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện…. thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung". Như vậy, ông T đã thay đổi chỗ ở mà không thông báo cho nguyên đơn biết là cố tình che giấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng và ông T ngày 28/01/2019, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ JCB JS peedy Credit Gold, mức lãi suất 2,5%/ tháng, có cơ sở để xác định bị đơn ông T có sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T và có trả tiền lãi. Nên xác định việc giao dịch giữa ông T và Ngân hàng là giao dịch dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Do ông T đã dùng hết số tiền 30.000.000 đồng và mới trả cho nguyên đơn số tiền là 700.000 đồng. Nên ngày 23/6/2019 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2020, ông T còn nợ ngân hàng số tiền 52.069.584 đồng, trong đó nợ gốc: 34.004.534 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.065.050 đồng.

Theo quy định tại Điều 463, và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 "*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi và phí của nguyên đơn đối với bị đơn:

Căn cứ theo Thông báo số 70/TB-TTT ngày 31/12/2013 về việc gia tăng tiện ích cho sản phẩm thẻ tín dụng Ngân hàng thì lãi xuất giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt 2,5%/tháng, áp dụng từ ngày 01/01/2014. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông T vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ vốn và nợ lãi đúng hạn theo quy

định trong hợp đồng nên ông T phải chịu lãi theo hợp đồng. Theo quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín tụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nêu trên, ông T đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với Ngân hàng nghĩa là ông T mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và phải chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của ngân hàng.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T, buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ 52.069.584 đồng, trong đó nợ gốc: 34.004.534 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.065.050 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 21/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp (52.069.584 đồng x 5% = 2.603.479 đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền còn nợ 52.069.584 đồng, trong đó nợ gốc: 34.004.534 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.065.050 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 21/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 2.603.479 đồng (hai triệu sáu trăm không trăm lẻ ba ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng), bị đơn ông Nguyễn Ngọc T phải chịu.

[3] Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.098.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0032564 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân